

Số: /GPMT-STNMT

Bình Dương, ngày tháng năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 1 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 1 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 11/2022/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 975/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản và cấp Giấy phép môi trường đối với các dự án thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Xét Văn bản số 14/LB-GPMT ngày 06 tháng 02 năm 2025 đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty TNHH Sơn Long Bảo Việt Nam và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Chi cục Bảo vệ môi trường tại Tờ trình số 166/TTr-CCBVMT ngày 12 tháng 02 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Sơn Long Bảo Việt Nam, địa chỉ trụ sở chính tại Lô F, đường N6b, Cụm công nghiệp Phú Chánh 1, phường Phú Chánh, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Nhà máy sản xuất sơn tại Lô F, đường N6b, Cụm công nghiệp Phú Chánh 1, phường Phú Chánh, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở

1.1. Tên cơ sở: Nhà máy sản xuất sơn.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô F, đường N6b, Cụm công nghiệp Phú Chánh 1, phường Phú Chánh, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án 3264645477 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương chứng nhận lần đầu ngày 15 tháng 3 năm 2017, chứng nhận thay đổi lần thứ 3 ngày 24 tháng 10 năm 2018; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH hai thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp 3700888273 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp đăng ký lần đầu ngày 11 tháng 3 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 13 tháng 10 năm 2023.

1.4. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường số 185/QĐ-STNMT ngày 12 tháng 02 năm 2018 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

1.5. Mã số thuế: 3700888273.

1.6. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất gia công các loại bột trám trét, sơn nước, sơn bóng, sơn lót, tinh màu nồng độ cao và các sản phẩm có liên quan.

1.7. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở

1.7.1. Phạm vi: Tổng diện tích đất của Nhà máy là 12.799,9 m².

1.7.2. Quy mô:

- Nhà máy có tiêu chí như dự án đầu tư nhóm B theo tiêu chí phân loại của pháp luật về đầu tư công.

- Nhà máy có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

1.7.3. Công suất:

- Công suất sản xuất của Nhà máy: các loại bột trám trét 800.000 kg/năm; các loại sơn nước, sơn bóng, sơn lót, dầu chuối 8.500.000 kg/năm; tinh màu nồng độ cao, màu cái 300.000 kg/năm.

- Quy trình công nghệ sản xuất:

+ Quy trình sản xuất các loại bột trám trét (dạng sệt): Bột Talc sau khi nghiền + Dung môi + Nhựa Alkid hoặc nhựa Poly => Khuấy trộn => Kiểm tra => Chiết rót => Thành phẩm.

+ Quy trình sản xuất sơn (hệ nước): Nước và Chất tạo màng sau khi cân định lượng + (Bột màu => Cân định lượng => Nghiền) + Resin, phụ gia, chất xúc tác => Khuấy trộn => Kiểm tra => Chiết rót => Thành phẩm.

+ Quy trình sản xuất sơn (dung môi): Dung môi và chất tạo màng sau khi cân định lượng + (Bột màu => Cân định lượng => Nghiền) + Resin, phụ gia, chất xúc tác =>

Khuấy trộn => Kiểm tra => Chiết rót => Thành phẩm.

+ Quy trình sản xuất dung môi dầu chuỗi: Dung môi => Cân định lượng => Khuấy trộn => Kiểm tra => Chiết rót => Thành phẩm.

+ Quy trình sản xuất tinh màu: Bột màu sau khi nghiền + Dung môi => Cân định lượng => Khuấy trộn => Kiểm tra => Chiết rót => Thành phẩm.

+ Quy trình sản xuất cao màu: Bột màu sau khi nghiền + Dung môi + Nhựa => Cân định lượng => Khuấy trộn => Kiểm tra => Chiết rót => Thành phẩm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện yêu cầu bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Sơn Long Bảo Việt Nam.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Sơn Long Bảo Việt Nam có trách nhiệm:

2.1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải, bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả chất thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.3. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.4. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm

(Từ ngày tháng năm 2025 đến ngày tháng năm 2035)

Các giấy phép môi trường thành phần đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

Điều 4. Giao Chi cục Bảo vệ môi trường, Thanh tra Sở tham mưu tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Nhà máy sản xuất sơn tại Lô F, đường N6b, Cụm công nghiệp Phú Chánh 1, phường Phú Chánh, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Sơn Long Bảo Việt Nam;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- UBND thành phố Tân Uyên;
- Thanh tra Sở;
- UBND phường Phú Chánh;
- Cổng Thông tin điện tử Sở TNMT;
- Lưu: VT, CCBVMT, Tuyen8.

GIÁM ĐỐC

Ngô Quang Sự

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI (Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STNMT ngày tháng năm 2025 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (do Công ty đầu nối nước thải sau xử lý vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp Phú Chánh 1 với Công ty TNHH Cheng Chia Wood theo Hợp đồng xử lý nước thải và phí quản lý cơ sở hạ tầng số 02/HĐ-PC, không xả ra môi trường).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Hệ thống thu gom, thoát nước thải được xây dựng tách riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ 03 nhà vệ sinh sau khi xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn; nước rửa tay, nước vệ sinh văn phòng; nước thải từ buồng sơn màng nước khu vực phòng Lab; nước thải phát sinh từ quá trình thí nghiệm, kiểm tra chất lượng sản phẩm, rửa dụng cụ thí nghiệm tại phòng Lab theo đường ống nhựa PVC đường kính 114mm được dẫn về công trình xử lý nước thải tập trung, công suất 5,5 m³/ngày.đêm bằng đường cống BTCT đường kính 300mm.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

+ Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh sau khi qua bể tự hoại 03 ngăn + Nước rửa tay, chân; nước vệ sinh văn phòng => Bể thu gom 1 => Bể xử lý sinh học hiếu khí của công trình xử lý nước thải tập trung.

+ Nước thải sản xuất (Nước thải từ buồng sơn màng nước khu vực phòng Lab; nước thải phát sinh từ quá trình thí nghiệm, kiểm tra chất lượng sản phẩm, rửa dụng cụ thí nghiệm tại phòng Lab) => Bể thu gom 2 => Bể điều hoà => Bể keo tụ => Bể tạo bông => Bể lắng hóa lý => Bể xử lý sinh học hiếu khí => Bể lắng sinh học => Bể xử lý màng lọc sinh học MBR => Đầu nối vào hệ thống thu gom và xử lý nước thải của Cụm công nghiệp Phú Chánh 1.

- Công suất thiết kế: 5,5 m³/ngày.đêm.

- Hóa chất sử dụng: Polymer, PAC, Clorine (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3.3 phần A của Phụ lục này).

- Chế độ xả nước thải: tự chảy.

- Số điểm đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom nước thải của Cụm công nghiệp Phú Chánh 1 là 01 điểm đầu nối vào hố ga trên tuyến đường N6b có tọa độ: X = 1224685,1; Y = 604612,9.

(Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiều 3°)

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 46 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình; thường xuyên kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng các máy móc thiết bị trong công trình xử lý nước thải theo đúng hướng dẫn vận hành của nhà cung cấp nhằm đảm bảo các thiết bị, máy móc hoạt động ổn định.

- Các máy móc, thiết bị quan trọng được trang bị 01 bộ dự phòng cho hệ thống xử lý như máy bơm, bơm định lượng... để không làm gián đoạn quá trình xử lý khi một thiết bị hư hỏng.

- Thường xuyên kiểm tra đường ống công nghệ, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn. Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải.

- Báo ngay cho cơ quan nhà nước có chức năng các sự cố để được hỗ trợ và có biện pháp khắc phục kịp thời trong trường hợp quá khả năng ứng phó của đơn vị.

- Quy trình ứng phó sự cố:

+ Đối với sự cố hư hỏng thiết bị: giảm công suất sản xuất hoặc dừng sản xuất để hạn chế hoặc không làm phát sinh nước thải; tiến hành thay thế bằng thiết bị dự phòng như máy bơm dự phòng, bơm định lượng dự phòng.... Sau khi khắc phục sự cố, tiếp tục vận hành lại hệ thống xử lý đảm bảo không làm gián đoạn quá trình xử lý.

+ Đối với sự cố tắc, bể đường ống thu gom nước thải: Thường xuyên kiểm tra đường ống, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn; trường hợp xảy ra sự cố bể đường ống thu gom nước thải, tiến hành khóa van khu vực xảy ra sự cố, sau đó bơm nước thải về hố gom gần nhất. Tiến hành thay thế đường ống mới, thông tắc đường ống; sau khi khắc phục sự cố, nước thải được bơm về hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý, đảm bảo đạt tiêu chuẩn tiếp nhận của Cụm công nghiệp Phú Chánh 1.

+ Đối với công trình xử lý nước thải bị sự cố cần thời gian khắc phục: Công ty phải giảm công suất sản xuất hoặc dừng sản xuất để hạn chế hoặc không làm phát sinh nước thải; đồng thời, nước thải phát sinh được thu gom sẽ được đưa về bể thu gom, bể điều hòa để lưu chứa tạm thời, sau khi khắc phục xong sự cố nước thải sẽ tiếp tục được xử lý đạt tiêu chuẩn tiếp nhận của Cụm công nghiệp Phú Chánh 1, không được xả thải trực tiếp ra môi trường.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải theo quy định tại điểm h Khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ được bổ sung, sửa đổi tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn tiếp nhận của Chủ đầu tư Cụm công nghiệp Phú Chánh 1 và biện pháp kiểm soát, giám sát nước thải theo thỏa thuận giữa Chủ cơ sở và Chủ đầu tư Cụm công nghiệp Phú Chánh 1, không được xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đấu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp Phú Chánh 1 để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra môi trường.

3.3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của Chủ đầu tư Cụm công nghiệp Phú Chánh 1 và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục 2**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STNMT ngày tháng năm 2025
của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:**1. Nguồn phát sinh khí thải:**

- Nguồn số 01: Bụi, hơi dung môi từ 13 máy khuấy, 06 máy nghiền và 08 bồn khuấy trộn sơn, dung môi tại Xưởng số 3.

- Nguồn số 02: Bụi sơn và hơi dung môi từ 02 buồng sơn màng nước tại Phòng thí nghiệm.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:**2.1. Vị trí xả khí thải:**

- Dòng khí thải số 01: Ống thải số 01 của công trình xử lý bụi, hơi dung môi từ 13 máy khuấy, 06 máy nghiền, 08 bồn khuấy sơn, dung môi tại Xưởng số 3 (nguồn số 01); toạ độ vị trí xả khí thải: X = 1224781,3; Y = 604651,1.

- Dòng khí thải số 02: Ống thải số 02 của công trình xử lý bụi sơn và hơi dung môi từ 02 buồng sơn màng nước tại Phòng thí nghiệm (nguồn số 02); toạ độ vị trí xả khí thải: X = 1224767,5; Y = 604586,4.

(Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiều 3°)

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Dòng khí thải số 1: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất $22.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

- Dòng khí thải số 2: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất $8.800 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

2.2.1. Phương thức xả khí thải:

Khí thải sau xử lý được xả ra môi trường qua ống thải, xả liên tục trong thời gian hoạt động của nhà máy.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 19:2009/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B với $K_v = 1,0$ và $K_p = 0,9$) và QCVN 20:2009/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ trước khi xả ra môi trường, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	$\text{m}^3/\text{giờ}$	-		
2	Bụi	mg/Nm^3	180		

3	Xylen	mg/Nm ³	870	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
4	Metylacetat	mg/Nm ³	610		
5	n-butyl acetat	mg/Nm ³	950		
6	Cyclohexanon	mg/Nm ³	400		
7	Toluen	mg/Nm ³	750		
8	Metanol	mg/Nm ³	260		

** Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2032, chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2024/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp.*

B. YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

1.1 Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Nguồn số 01: Bụi, hơi dung môi từ 13 máy khuấy, 06 máy nghiền, 08 bồn khuấy trộn sơn, dung môi tại Xưởng số 3 được thu gom bằng đường ống gân bằng nhựa PVC đường kính 0,2m và đường ống dẫn bằng thép tráng kẽm đường kính 0,6m về công trình xử lý khí thải số 1 (*tương ứng với dòng khí thải số 01*);

- Nguồn số 02: Bụi, hơi dung môi từ 02 buồng sơn màng nước tại Phòng thí nghiệm được thu gom bằng đường ống dẫn thép tráng kẽm, đường kính 0,6m về công trình xử lý khí thải số 2 (*tương ứng với dòng khí thải số 02*);

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

1.2.1. Nguồn số 01 (*Công trình xử lý bụi, hơi dung môi từ 13 máy khuấy, 06 máy nghiền, 08 bồn khuấy trộn sơn, dung môi*):

- Số lượng công trình: 01 công trình.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi, hơi dung môi => Đường ống thu gom => Quạt hút => Cyclone => Tháp hấp phụ than hoạt tính => Thoát ra môi trường qua 01 ống thải cao 9,7m; đường kính 0,6m.

- Công suất thiết kế: 22.000 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính.

1.2.2. Nguồn số 02 (*Công trình xử lý bụi sơn và hơi dung môi từ 02 buồng sơn màng nước tại Phòng thí nghiệm*):

- Số lượng công trình: 01 công trình.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bùn son, hơi hợp chất hữu cơ => Bùn son kiểu màng nước => Quạt hút => Tháp hấp phụ than hoạt tính => Thoát ra môi trường qua 01 ống thải cao 8,5m; đường kính 0,6m.

- Công suất thiết kế: 8.800 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đào tạo đội ngũ công nhân có kỹ thuật tốt, nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra; có nhật ký vận hành công trình xử lý khí thải ghi nhận các thông tin về lưu lượng, lượng điện tiêu thụ, hóa chất sử dụng... để kịp thời nhận biết các sự cố.

- Lập hồ sơ giám sát kỹ thuật các công trình để theo dõi sự ổn định của công trình. Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ các thiết bị của công trình xử lý khí thải; dự phòng thiết bị thay thế khi thiết bị xử lý khí thải hỏng hóc. Thường xuyên thực hiện kiểm tra, duy trì, bảo dưỡng thiết bị, máy móc công trình xử lý khí thải bảo đảm công trình hoạt động ổn định.

- Trường hợp công trình xử lý khí thải gặp sự cố hoặc chất lượng khí thải không đạt yêu cầu quy định tại mục 2.2.2 phần A của Phụ lục này phải ngừng ngay việc xả khí thải ra môi trường để thực hiện các biện pháp khắc phục, xử lý. Sau khi khắc phục xong sự cố và có kết quả phân tích khí thải đạt quy chuẩn trước khi xả ra môi trường sẽ hoạt động trở lại, không được phép xả khí thải chưa được xử lý đạt quy chuẩn quy định ra môi trường.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải theo quy định tại điểm h Khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ được bổ sung, sửa đổi tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Bảo đảm bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu của quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.2.2 Phần A phụ lục này và ngừng ngay việc xả bụi, khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục, không được phép xả bụi, khí thải chưa được xử lý đạt quy chuẩn quy định ra môi trường.

Phụ lục 3

CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STNMT ngày tháng năm 2025
của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)*

1. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với tiếng ồn, độ rung**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Khu vực bồn trộn tại Xưởng số 3.
- Nguồn số 02: Khu vực đóng gói tại Xưởng số 3.
- Nguồn số 03: Khu vực hệ thống xử lý khí thải hơi dung môi từ quá trình sản xuất.
- Nguồn số 04: Khu vực hệ thống xử lý khí thải bụi sơn và hơi dung môi từ Phòng thí nghiệm.
- Nguồn số 05: Khu vực hệ thống xử lý nước thải.
- Nguồn số 06: Khu vực máy phát điện dự phòng.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Nguồn số	Vị trí phát sinh tiếng ồn	Tọa độ (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°45' múi chiều 3°)	
		X	Y
1	Khu vực bồn trộn tại Xưởng số 3	X = 12247947	Y = 604652
2	Khu vực đóng gói tại Xưởng số 3	X = 1224832,2	Y = 604650,7
3	Khu vực hệ thống xử lý khí thải hơi dung môi từ quá trình sản xuất	X = 1224781,3	Y = 604651,1
4	Khu vực hệ thống xử lý khí thải bụi sơn và hơi dung môi từ Phòng thí nghiệm	X = 1224767,5	Y = 604586,4
5	Khu vực hệ thống xử lý nước thải	X = 1224845,2	Y = 604592,9
6	Khu vực máy phát điện dự phòng	X = 1224703,7	Y = 604662,3

3. Tiếng ồn, độ rung:

Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn; trồng cây xanh trong khuôn viên cơ sở để hạn chế tiếng ồn.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: Đối với máy thổi khí, máy bơm đặt trong nhà điều hành hệ thống xử lý nước thải lắp đặt gối lên các đệm cao su, không tiếp xúc trực tiếp với chân đế bằng bê tông, từ đó giảm thiểu độ rung khi hoạt động. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu, bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục 3 Phần A Phụ lục này.

2.2. Thường xuyên bảo dưỡng, hiệu chuẩn các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 4

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STNMT ngày tháng năm 2025
của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Ký hiệu phân loại	Trạng thái tồn tại	Số lượng phát sinh (kg/năm)
1	Cặn sơn	08 01 01	NH	Rắn	900
2	Than hoạt tính (trong buồng hấp phụ) đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải	12 01 04	NH	Bùn	1.100
3	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	NH	Rắn	24
4	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải	17 02 04	NH	Lỏng	420
5	Các loại pin, ắc quy khác	19 06 05	NH	Lỏng	18
6	Các loại dung môi và hỗn hợp dung môi thải	17 08 03	NH	Lỏng	2.000
7	Hộp mực in	08 02 04	KS	Rắn	12
8	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải công nghiệp	12 06 05	KS	Rắn	1.000
9	Bao bì mềm	18 01 01	KS	Rắn	2.000
10	Bao bì cứng bằng kim loại	18 01 02	KS	Rắn	12.000
11	Bao bì cứng bằng nhựa	18 01 03	KS	Rắn	3.000

12	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại.	18 02 01	KS	Rắn	360
13	Hóa chất và hỗn hợp hoá chất phòng thí nghiệm thải có các thành phần nguy hại	19 05 02	KS	Rắn	120
14	Các loại chất thải khác có các thành phần nguy hại hữu cơ	19 12 02	KS	Rắn	1.200
Tổng cộng					24.154

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (Rắn/Lỏng/Bùn)	Mã chất thải	Số lượng (Kg/năm)
1	Bao bì PP, PE các loại	Rắn	18 01 06	100
2	Bao bì kim loại	Rắn	18 01 08	50
3	Giấy, bao bì giấy (thùng carton)	Rắn	12 08 03	50
4	Nhựa	Rắn	11 02 04	50
5	Pallet gỗ	Rắn	11 02 02	200
Tổng cộng				450

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân tại nhà máy bao gồm: rác hữu cơ (rau quả, thực phẩm thừa, giấy vụn...), rác thải vô cơ (bao nilon, vỏ lon, thủy tinh...), khối lượng khoảng 6,8 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa chất thải: Trang bị các thùng chứa dung tích 25 lít, 120 lít bằng nhựa, có nắp đậy, dán nhãn, mã chất thải để lưu chứa từng loại chất thải nguy hại.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Kho chứa bao bì cứng bằng kim loại được bố trí trong khu vực nhà xưởng 4 với diện tích là 30 m².

- Kho chứa chất thải nguy hại còn lại:

+ Diện tích kho chứa chất thải: 10 m².

+ Thiết kế, cấu tạo của kho: Tường gạch bao xung quanh; nền bê tông chống thấm, đảm bảo kín khít, không bị thấm thấu; có nền cao hơn mặt bằng xung quanh, đảm bảo ngăn nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; đảm bảo không chảy tràn chất thải lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn; có mái tôn che kín nắng, mưa; biển cảnh báo; trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (*như cát khô*)... theo quy định.

- Bùn thải từ công trình xử lý nước thải chứa trong sân phơi bùn có thể tích 1,5 m³.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa chất thải:

Trang bị các bao chứa bằng nylon dung tích 40kg.

2.2.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho chứa: 14 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Có nền bê tông chống thấm, tường bê tông bao quanh, mái che tôn, có cửa ra vào; phân riêng từng khu vực lưu chứa các loại chất thải và có dán nhãn phân biệt cho từng khu vực lưu chứa.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Thiết bị lưu chứa chất thải: Trang bị các thùng nhựa HDPE loại 25 lít, 60 lít, đặt tại nhà văn phòng, các phân xưởng sản xuất và các thùng nhựa HDPE loại 240 lít đặt tại khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt để lưu chứa chất thải sinh hoạt.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố

môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường của cơ sở theo quy định tại Khoản 4 Điều 124 của Luật Bảo vệ môi trường và có trách nhiệm công khai kế hoạch ứng phó sự cố môi trường của cơ sở; gửi kế hoạch ứng phó sự cố môi trường tới Ủy ban nhân dân phường Phú Chánh và Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn thành phố Tân Uyên theo quy định tại khoản 3 Điều 110 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; đồng thời, có trách nhiệm thông báo cho ủy ban nhân dân phường Phú Chánh về nguy cơ sự cố môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường để thông tin cho tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư xung quanh theo quy định tại Khoản 2 Điều 129 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

4. Có trách nhiệm tổ chức ứng phó sự cố môi trường trong phạm vi cơ sở; trường hợp vượt quá khả năng ứng phó, phải kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân phường Phú Chánh nơi xảy ra sự cố và Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn thành phố Tân Uyên để phối hợp ứng phó theo quy định tại điểm a Khoản 4 Điều 125 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STNMT ngày tháng năm 2025 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

1. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.
2. Tuân thủ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Quyết định số 22/2023/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành Quy định bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Dương.
3. Đảm bảo an toàn trong lưu trữ và sử dụng hóa chất theo quy định của Luật Hóa chất và các văn bản liên quan. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an toàn hóa chất, phòng chống cháy nổ, đối với cán bộ, công nhân viên làm việc của cơ sở.
4. Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng chỉ sử dụng gián đoạn trong các trường hợp mất điện, không yêu cầu phải có công trình xử lý khí thải, nhiên liệu dầu DO sử dụng cho máy phát điện phải đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.
5. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Tăng cường hiệu quả trong việc khai thác, sử dụng tài nguyên nước nhằm tiết kiệm tài nguyên và giảm thiểu các tác động xấu đến môi trường.
6. Luôn thực hiện các biện pháp không chế ô nhiễm và bảo vệ môi trường theo đúng quy định, đảm bảo toàn bộ chất thải phát sinh được thu gom và xử lý các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
7. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.
8. Thực hiện trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo đúng quy định của pháp luật; hợp đồng đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường theo quy định.
9. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp

luật; thực hiện trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

10. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.